

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6 4 1 /KVN-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS)

Mã chứng khoán: GAS

Địa chỉ trụ sở chính: PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 37816777. Fax: (028) 37815666 – 37815777.

Loại thông tin công bố: định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PV GAS vào
ngày 16/4/2021 tại website <http://www.pvgas.com.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ
đồng/Tài liệu cổ đông/Báo cáo Thường niên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công
bố.

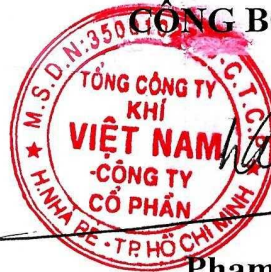
Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN (Vụ Quản lý Phát
hành Chứng khoán);
- HĐQT TCT (để báo cáo);
- TGĐ TCT (để báo cáo);
- Ban KS;
- Ban TC, KSNB;
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Biên bản và Nghị quyết của cuộc
họp ĐHCĐ thường niên năm
2021

TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phạm Đăng Nam



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHI QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của
Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần đối với **ông Phan Quốc Nghĩa**.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và ông Phan Quốc Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Sinh Khang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHI QUYẾT

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc miễn nhiệm chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của
Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần đối với ông **Trương Hồng Sơn**.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và ông Trương Hồng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Sinh Khang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHI QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của
Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần đối với bà **Hồ Thị Ái Thanh**.

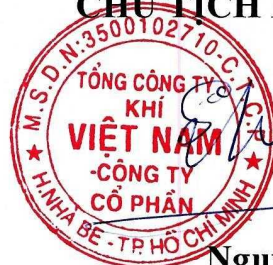
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và bà Hồ Thị Ái Thanh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Sinh Khang
Nguyễn Sinh Khang



Số: 43 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của
Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu ông **Trương Hồng Sơn**, sinh ngày: 22/9/1968; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật; số căn cước công dân: 034068005834, ngày cấp: 07/6/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

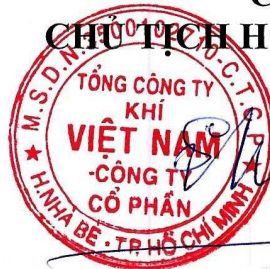
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và ông Trương Hồng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Sinh Khang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu ông **Triệu Quốc Tuấn**, sinh ngày: 27/01/1972; trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công trình biển, Kỹ sư kinh tế và quản lý, Thạc sỹ quản lý dự án; số căn cước công dân: 0011072020971, ngày cấp: 17/10/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

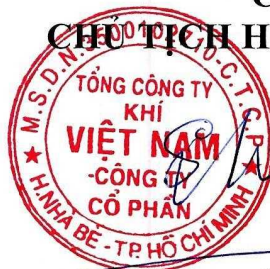
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và ông Triệu Quốc Tuấn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Sinh Khang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45 /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHI QUYẾT

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc bầu Kiểm soát viên

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu ông Nguyễn Công Minh, sinh ngày: 13/7/1968; trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp; số căn cước công dân: 042068000216, ngày cấp: 27/3/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư giữ chức Kiểm soát viên Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và ông Nguyễn Công Minh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

Như Điều 3;

Lưu VT.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Sinh Khang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **46** /NQ-KVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
về việc bầu Kiểm soát viên**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu bà **Nguyễn Thị Kim Yên**, sinh ngày: 05/01/1972; trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; số chứng minh nhân dân: 025913355, ngày cấp: 01/10/2014, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh giữ chức Kiểm soát viên Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Tổng công ty và bà Nguyễn Thị Kim Yên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

[Handwritten signatures]

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



[Handwritten signature]
Nguyễn Sinh Khang



NGHỊ QUYẾT

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (Tổng công ty hoặc PV GAS);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 142/BB-KVN ngày 16/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, các Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

– Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	% TH/KH
1	Khí ảm	Tr.m3	9.760,0	8.947,5	92%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m3	9.255,1	8.689,9	94%
3	Condensate tiêu thụ	1000T	55,1	58,3	106%
4	LPG tiêu thụ Công ty mẹ	1000T	1.300,0	1.962,0	151%
5	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	66.163,5	65.636,5	99%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	8.294,2	9.978,1	120%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	6.636,0	7.971,8	120%
8	Tỷ suất LNST/VDL	%	34,6	41,7	121%
9	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ Đ	3.002,4	4.354,3	145%
10	Tổng tài sản	Tỷ Đ	-	63.208,4	-
11	Giải ngân vốn đầu tư Công ty Mẹ	Tỷ Đ	6.806,1	6.752,2	99%



*Phu
10
Chau*

– Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020
1	Số dư Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2020	Tỷ đồng	3.830	711,0
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Tỷ đồng	6.508	8.069,0
3	Trích các quỹ năm 2020	Tỷ đồng	1.502	284,0
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.302</i>	
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban QLDH</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>200</i>	<i>284,0⁽¹⁾</i>
4	Chia cổ tức năm 2020	Tỷ đồng	5.742	5.741,9
		%	(30% VDL)	(30% VDL)
5	Lợi nhuận còn lại chuyển qua năm 2021	Tỷ đồng	3.094	2.754,0

⁽¹⁾ *Quỹ khen thưởng phúc lợi: 281.613.190.723 đồng, Quỹ ban quản lý điều hành (QLDH): 2.426.787.188 đồng.*

Điều 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận năm 2021 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2021 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc theo sản lượng khai thác/tiêu thụ thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.

– Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
I	SẢN LƯỢNG		
1	Khí vào bờ	Triệu m ³	9.756
2	Khí sản xuất và tiêu thụ	Triệu m ³	9.475
-	Khách hàng Điện	Triệu m ³	7.333
-	Khách hàng Đạm	Triệu m ³	1.079
-	Khách hàng khí thấp áp/CNG	Triệu m ³	1.063
3	Condensate	Nghìn tấn	108
4	LPG Công ty mẹ	Nghìn tấn	1.600
II	TÀI CHÍNH		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.169
-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	69.165
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.795
-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	8.687
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.036

Handwritten signature and initials

-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	6.950
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	3.547
-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	3.490
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	25,0
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	19.139
III	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Công ty Mẹ)		
1	Giá trị thực hiện vốn đầu tư	Tỷ đồng	3.778
2	Giá trị vốn giải ngân	Tỷ đồng	6.256
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.626
-	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	3.629
IV	CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Lao động cuối kỳ	Người	3.032
-	Trong đó Công ty mẹ	Người	1.475
2	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	40
3	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	10
4	An sinh xã hội	Tỷ đồng	140

Ghi chú: Kế hoạch năm 2021 được xây dựng và phê duyệt theo phương án giá dầu 45 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.500 VNĐ.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	Tỷ đồng	2.754
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.950
3	Trích các quỹ	Tỷ đồng	1.627
-	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	Tỷ đồng	1.390
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban QLDH	Tỷ đồng	237
4	Chia cổ tức (25% VĐL)	%	4.785
5	Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	Tỷ đồng	3.293

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị (chi tiết như tài liệu kèm theo).

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát (chi tiết như tài liệu kèm theo) và ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là một trong số các đơn vị kiểm toán hàng đầu hiện nay tại Việt Nam

Handwritten signature and initials

gồm: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH PwC (Việt Nam), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và Công ty TNHH KPMG.

Điều 5. Thông qua Báo cáo thực hiện tiền lương và thu nhập năm 2020 và kế hoạch tiền lương và thu nhập năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với các nội dung chính như sau:

- Thực hiện năm 2020 (trước thuế): 12.802.563.143 đồng;
- Kế hoạch năm 2021: thực hiện theo quy định của Nhà nước (Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước).

Điều 6. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Điều 7. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 11. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT và BKS;
- Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS được sửa đổi, bổ sung.

**TM. ĐHQĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA
CHIEU TICH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Sinh Khang

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Hoạt động trong năm 2020 của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động của HĐQT

HĐQT hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua các quy định quản lý nội bộ, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản, các cuộc họp HĐQT, các buổi làm việc với Ban Tổng giám đốc và các Đơn vị về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc, hợp tác, nghiên cứu khoa học, ... HĐQT đã ban hành trên 250 văn bản (trong đó gần 60 văn bản về công tác tổ chức nhân sự) và tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, của Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV GAS, ... theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định liên quan khác của PV GAS, phù hợp với thẩm quyền và phân cấp. HĐQT cũng luôn hỗ trợ, phối hợp kịp thời với Ban Tổng giám đốc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS. Việc chỉ đạo, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc với phương châm “Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động” góp phần giúp PV GAS hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm trong bối cảnh đại dịch Covid-19, giá dầu suy giảm và huy động khí cho điện thấp, tuân thủ các quy định của pháp luật và PV GAS, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của PV GAS.

- Kế hoạch, Chiến lược: HĐQT chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch năm 2020 trong toàn PV GAS; xem xét, chấp thuận/phê duyệt Kế hoạch năm 2020 của PV GAS – công ty mẹ và các đơn vị thành viên, cũng như điều chỉnh/bổ sung trong quá trình triển khai; xây dựng, xem xét, thông qua đề trình cấp có thẩm quyền Kế hoạch 2021 và Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025; chỉ đạo xây dựng Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 của PV GAS; phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2019 của các đơn vị thành viên. Năm 2020, PV GAS tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch; tạo thuận lợi để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch trung và dài hạn trong giai đoạn tiếp theo.
- Sản xuất: HĐQT chỉ đạo quán triệt mục tiêu an toàn trong mọi hoạt động sản xuất, vận hành; luôn tuân thủ các quy định liên quan. Kết quả là hệ thống các công trình khí của PV GAS hoạt động an toàn, ổn định, liên tục, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến môi trường, tài sản và uy tín của PV GAS.
- Thỏa thuận/Hợp đồng/Kinh doanh khí: HĐQT tiếp tục giám sát thực hiện Nghị quyết số 113/NQ-KVN ngày 24/12/2019 về Mô hình tổ chức kinh doanh các sản phẩm khí trong PV GAS; chỉ đạo xây dựng, đàm phán, trình duyệt giá khí, cước phí, phân bổ sản lượng khí, cũng như chấp thuận đề ký mới/sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng/Phụ lục, Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng mua, bán, vận chuyên, nén khí từ nguồn khí Cửu Long, Nam Côn Sơn, Nam Côn Sơn 2, PM3 Cà Mau, Hàm Rồng - Thái Bình, tuân thủ các quy định của cấp có thẩm quyền, thỏa thuận mới về giá khí, cước phí, phân bổ sản lượng khí; chấp thuận đề ký Bản Ghi nhớ về việc cấp khí cho Dự án Nhà máy điện Long An I&II giữa PV GAS và VinaCapital Group

Ltd, Bản Ghi nhớ về việc cung cấp và tiêu thụ LNG giữa PV GAS và Công ty điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3, Bản Ghi nhớ về việc cung cấp và tiêu thụ LNG cho các nhà máy điện tại khu vực Đông Nam Bộ giữa PV GAS và EVN, Hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện giữa PTSC - PV GAS - PV POWER; phê duyệt giá bán khí để sản xuất khí thấp áp và CNG trong 06 tháng đầu năm 2020, giá bán Condensate Thái Bình năm 2020 phù hợp với tình hình thị trường; chấp thuận chủ trương triển khai Phương án kinh doanh LPG lạnh bằng tàu kho nổi tại miền Bắc; chỉ đạo tham gia Gói thầu mua bổ sung khí nhập khẩu phục vụ cho vận hành sản xuất điện của các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO3; cũng như chỉ đạo các hoạt động kinh doanh gắn liền với thị trường đồng thời đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Năm 2020, PV GAS tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh tốt với lợi nhuận sau thuế khoảng 8 nghìn tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng: HĐQT thực hiện phân cấp cho Tổng giám đốc, Trưởng đơn vị trực thuộc và Người đại diện phân vốn tại đơn vị thành viên, song hành với tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đầu tư xây dựng; chấp thuận/phê duyệt một số nội dung trong quá trình triển khai và quyết toán các dự án quan trọng như: Giai đoạn 2 Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh (hoàn thành dự án, đưa vào vận hành); Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt (hoàn thành dự án, đưa vào vận hành), Kho chứa LNG 1MMTPA tại Thị Vải; Mở rộng, nâng công suất Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm; Hệ thống thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình, lô 102&106 - Giai đoạn 1 (hoàn thành quyết toán); Nhà máy xử lý khí Cà Mau (hoàn thành quyết toán); cũng như xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền về các dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng, Kho cảng nhập LNG tại Sơn Mỹ, Tách Ethane và các dự án khác. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt do dịch Covid-19 và giá dầu sụt giảm, trong năm 2020, các dự án đầu tư xây dựng của PV GAS được triển khai an toàn, đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình, quản lý chi phí, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Tổ chức, nhân sự và tái cấu trúc, với các công việc chính của HĐQT như sau:
 - + Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2016 – 2020; chỉ đạo triển khai các thủ tục để thoái vốn tại PV Pipe và Gas South, nhận chuyển nhượng 20% phần vốn của PVE tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh tòa nhà PV GAS Tower, giải thể LNG VN, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận phương hướng và chủ trương đầu tư vốn tại PETEC.
 - + Xem xét Kế hoạch tái cơ cấu PV GAS giai đoạn 2021 –2025.
 - + Phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị giai đoạn 2020 – 2025.
 - + Chỉ đạo tổ chức để ĐHCĐ bầu lại thành viên HĐQT, miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên; bổ nhiệm/bổ nhiệm lại Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chỉ đạo công tác cán bộ khác.
 - + Chỉ đạo kiện toàn nhân sự là Người đại diện của PV GAS tại các đơn vị thành viên và Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) trên cơ sở đánh giá năng lực, phẩm chất cán bộ và phù hợp với các quy định để giới thiệu/chấp thuận để bầu/bổ nhiệm vào các vị trí trong HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, Ban Điều phối nhằm nâng cao năng lực quản trị và mang lại hiệu quả đầu tư của PV GAS tại các đơn vị thành viên và BCC.

- HĐQT chỉ đạo tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS và lấy ý kiến cổ đông của PV GAS bằng văn bản; cho ý kiến chỉ đạo đề Người đại diện phần vốn của PV GAS tham gia biểu quyết/có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ của các đơn vị thành viên trong năm 2020 phù hợp với định hướng phát triển của PV GAS.
- Hợp tác đầu tư: HĐQT chấp thuận để ký các văn bản, thỏa thuận hợp tác với các đối tác để cùng phát huy lợi thế của các bên và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS, như Bản Ghi nhớ về việc cấp khí cho Dự án Nhà máy điện Long An I&II giữa PV GAS và VinaCapital Group Ltd; Bản Ghi nhớ về việc cung cấp và tiêu thụ LNG giữa PV GAS và Công ty điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3; Bản Ghi nhớ về việc cung cấp và tiêu thụ LNG cho các nhà máy điện tại khu vực Đông Nam Bộ giữa PV GAS và EVN; Hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện giữa PTSC - PV GAS - PV POWER; Thỏa thuận hợp tác (MOU) giữa PV GAS, PV GAS LPG và JCCP trong lĩnh vực kinh doanh LPG; Thỏa thuận hợp tác giữa PV GAS và PVChem trong hoạt động sản xuất kinh doanh của hai bên; Điều khoản chính (Termsheet) của Thỏa thuận liên doanh giữa PV GAS và Tập đoàn AES để thành lập Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ.
- Tài chính: HĐQT chỉ đạo
 - + Phát hành các báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế; lập báo cáo dòng tiền hàng tháng, cập nhật báo cáo dòng tiền giai đoạn 2021 – 2025 để quản lý, sử dụng vốn hiệu quả; đảm bảo thu xếp vốn giải ngân theo tiến độ triển khai các dự án; tổ chức kiểm tra giám sát nội bộ trực tiếp tại 10 đơn vị, gián tiếp tại 04 đơn vị và ban hành Chỉ thị chấn chỉnh, nhắc nhở các đơn vị kịp thời; rà soát chỉ tiêu tài chính theo các kịch bản giá dầu để chủ động ứng phó, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại PV GAS.
 - + Kiểm soát công nợ chặt chẽ, không phát sinh thêm nợ xấu, các hợp đồng bán hàng đều yêu cầu có bảo lãnh; trích lập dự phòng theo quy định các khoản nợ phải thu khó đòi và thường xuyên có văn bản đôn đốc các đối tác trả nợ.
 - + Triển khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức rà soát chi phí, phân giao kế hoạch tiết giảm chi phí và chỉ thị yêu cầu các đơn vị quán triệt thực hiện.
 - + Trình và bảo vệ thành công với Bộ Công Thương Kế hoạch thu dọn công trình khí bao gồm Đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 1, Đường ống Hàm Rồng – Thái Bình và các hệ thống khí trên bờ.
 - + Trình/làm việc với cấp có thẩm quyền về chi phí xử lý khí Đại Hùng trên giàn Thiên Ứng, cước phí Nam Côn Sơn 2 toàn tuyến và cước phí Sao Vàng – Đại Nguyệt, cước phí PM3 – Cà Mau, cước phí qua kho LNG Thị Vải, cước phí Phú Mỹ – Tp. Hồ Chí Minh, nguyên tắc xác định cước phí và số liệu cước phí thu gom và vận chuyển khí bể Cừu Long giai đoạn 2021 – 2025.
 - + Xin ý kiến cổ đông và thực hiện nộp ngân sách Nhà nước khoản chênh lệch giá khí đối với lượng khí trong bao tiêu của PV GAS bán cho sản xuất điện phát sinh từ ngày 20/3/2019.
 - + Trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận tăng vốn điều lệ của PV GAS (từ nguồn vốn chủ sở hữu).

- + Thông qua trích lập quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2020 của PV GAS; phương án xác định quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của các đơn vị thành viên.
- + Chấp thuận Phương án trả nợ của PV Pipe cho PV GAS trong năm 2020.
- + Chi cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- An sinh xã hội, an ninh quốc phòng:
 - + An sinh xã hội: HĐQT phê duyệt chương trình và ngân sách an sinh xã hội; chỉ đạo triển khai công tác an sinh xã hội thiết thực, đúng đối tượng.
 - + An ninh quốc phòng: HĐQT chỉ đạo phối hợp công tác đảm bảo an ninh tuyến ống của PV GAS với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.
- Văn bản quy phạm nội bộ: HĐQT ban hành/sửa đổi, bổ sung nhiều quy định để phù hợp với các quy định mới của pháp luật và cấp có thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu trong thực tiễn hoạt động của PV GAS và các đơn vị, đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn, hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp và hệ thống văn bản quy phạm, như các Quy chế tổ chức và hoạt động của PV GAS LNG, KHP, KVT, KDK; các Quy chế quản lý tài chính PV GAS LNG, KHP; Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV; Quy chế thưởng an toàn; Quy chế Khoa học và Công nghệ; Quy chế chi tiêu, sử dụng quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ; Quy chế quản lý hao hụt sản phẩm lỏng; Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng quỹ đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình khí; Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh các sản phẩm khí; Quy định phân cấp đầu tư và Quy định phân cấp quản lý đầu thầu. Đồng thời, HĐQT phối hợp xây dựng, ban hành Quy chế mối quan hệ công tác giữa Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy với HĐQT và Tổng giám đốc.
- Ngoài thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật và Điều lệ PV GAS, năm 2020, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn, giám sát hoạt động của các đơn vị nhằm phát huy thế mạnh của từng thành viên HĐQT về các lĩnh vực chuyên môn trong quá trình quản lý hoạt động của PV GAS và thực hiện Chương trình giám sát năm 2020 của HĐQT ban hành theo Quyết định số 813/QĐ-KVN ngày 06/7/2020.

2. Hoạt động của thành viên HĐQT

2.1 Ông Nguyễn Sinh Khang – Chủ tịch HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên/Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác xây dựng và thực hiện chiến lược; tổ chức nhân sự.

Nhận xét sơ bộ: Ông Nguyễn Sinh Khang thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên/Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.2 Ông Dương Mạnh Sơn - thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác (ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc).

Lĩnh vực phụ trách: công tác tài chính.

Giám sát hoạt động: Bộ máy điều hành.

Nhận xét sơ bộ: Ông Dương Mạnh Sơn thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

2.3 Ông Phan Quốc Nghĩa - thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác kinh doanh các sản phẩm khí.

Giám sát hoạt động: KSNB, KDK, PV GAS LNG, PV Gas D, Gas South, PVGas LPG, CNG Việt Nam.

Nhận xét sơ bộ: Ông Phan Quốc Nghĩa thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

2.4 Bà Võ Thị Thanh Ngọc - thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác sản xuất và chế biến.

Giám sát hoạt động: KVT, KCM, PVGazprom NGV, BCC dự án đường ống khí lô B – Ô Môn.

Nhận xét sơ bộ: Bà Võ Thị Thanh Ngọc thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

2.5 Ông Đỗ Đông Nguyên - thành viên độc lập HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác dịch vụ.

Giám sát hoạt động: DVK, KĐN, NCSP, PV Pipe, PV Coating.

Nhận xét sơ bộ: Ông Đỗ Đông Nguyên thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

2.6 Ông Trương Hồng Sơn - thành viên độc lập HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác pháp chế, đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu.

Giám sát hoạt động: DAK, ĐNB, BCM, KHP, LNG Việt Nam.

Nhận xét sơ bộ: Ông Trương Hồng Sơn thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

II. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động trong năm 2020 của Hội đồng quản trị

HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT, các quy định liên quan khác của pháp luật và PV GAS. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty nghiêm ngặt. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS trong năm 2020 của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS trong năm 2020, cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, trung tâm thuộc cơ quan điều hành, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và hoàn thành, hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc.
- Báo cáo đầy đủ trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.
- Rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ được phê duyệt.
- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong các hoạt động của từng đơn vị.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông.
- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.

Kết quả là PV GAS đã vận hành an toàn hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS; hoàn thành, hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Trong đó, nổi bật là hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành chuỗi dự án Nam Côn Sơn 2, bổ sung đáng kể lượng khí giảm ở khu vực Đông Nam Bộ; các chỉ tiêu lợi nhuận và nộp ngân sách về đích trước kế hoạch 2-3 tháng, đóng góp quan trọng vào ngân sách Nhà nước, nằm trong Top đầu các đơn vị trong PVN; tiếp tục cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 20% sản lượng điện, 70% đạm, đáp ứng trên 62% thị

phần LPG cả nước; vinh dự được nhiều tổ chức có uy tín trao tặng các danh hiệu, giải thưởng cao quý; và đảm bảo giá trị cổ tức theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;...

IV. Tổng kết các cuộc họp và các Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và khác

HĐQT:

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT và ban hành 27 Biên bản họp để xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc, hợp tác, nghiên cứu khoa học,... của PV GAS và các đơn vị. Các thành viên HĐQT trực tiếp tham gia tất cả cuộc họp HĐQT, ngoại trừ 02 thành viên HĐQT không tham gia 01 cuộc họp do phải đi công tác đột xuất/nghỉ phép.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 05/5/2020. 100% thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc nộp ngân sách Nhà nước khoản chênh lệch giá khí đối với lượng khí trong bao tiêu của PV GAS bán cho sản xuất điện phát sinh từ ngày 20/3/2019.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, của Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS và các đơn vị.
- Trao đổi, chất vấn Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tham gia các buổi làm việc cùng Ban Tổng giám đốc để tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS và các đơn vị.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã ban hành trên 250 Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản để quản lý PV GAS đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại mục I.1.
- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1.	04/NQ-KVN	14/01/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PV Power NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
2.	07/NQ-KVN	20/01/2020	Thông qua việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3.	15/NQ-KVN	17/02/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung cho nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
4.	199/QĐ-KVN, 200/QĐ-KVN	18/02/2020 và 19/02/2020	Bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc của PV GAS

5.	21/NQ-KVN	21/02/2020	Phê duyệt công thức giá bán Condensate Thái Bình năm 2020
6.	22/NQ-KVN	27/02/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung Số 15 GSA NT1 điều chỉnh sản lượng khí cấp năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
7.	24/NQ-KVN	09/3/2020	Thông qua Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn
8.	26/NQ-KVN	12/3/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 76/NQ-KVN ngày 15/5/2018 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng bán và hoán đổi khí thiên nhiên thuộc via khí - condensate khu vực Đông Bắc Rồng giữa PVN và PV GAS
9.	32/NQ-KVN	31/3/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
10.	412/QĐ-KVN	01/4/2020	Ông Nguyễn Quốc Huy thôi làm Phó Tổng giám đốc PV GAS
11.	34/NQ-KVN	03/4/2020	Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán khí năm 2020 giữa PV GAS với PVFCCo
12.	35/NQ-KVN	03/4/2020	Thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2020
13.	458/QĐ-KVN	17/4/2020	Công tác cán bộ của PV GAS
14.	60/NQ-KVN	08/5/2020	Chấp thuận GSA Sao Vàng - Đại Nguyệt giữa PVN và PV GAS
15.	63/NQ-KVN	29/5/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí Bể Cứu Long giữa PVN và PV GAS
16.	67/NQ-KVN	26/6/2020	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và trả cổ tức còn lại của năm 2019 của PV GAS
17.	70/NQ-KVN	01/7/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận thanh toán tiền mua bán khí năm 2019 giữa PV GAS và PVFCCo
18.	71/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 04 HĐ dịch vụ thu gom, tiếp nhận, nén khí bể Cứu Long giữa PV GAS với PVN và VSP
19.	72/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua dự thảo sửa đổi, Bổ sung số 01 hợp đồng dịch vụ thuê công suất nén Rồng Đồi Mồi và Rồng Mở Rồng
20.	73/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua nội dung chính Thỏa thuận hợp tác giữa PV GAS và PVChem
21.	81/NQ-KVN	26/8/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa Đổi, Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
22.	82/NQ-KVN	27/8/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 16 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí các tháng còn lại năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
23.	87/NQ-KVN	28/9/2020	Chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của PV GAS tại Gas South
24.	92/NQ-KVN	05/11/2020	Chấp thuận chủ trương tham gia và các nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện
25.	93/NQ-KVN	09/11/2020	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 06 Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thấp áp Vòm Bắc giữa PV GAS và

			Vietsovpetro
26.	94/NQ-KVN	10/11/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 17 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí năm 2021 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
27.	96/NQ-KVN	07/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 02 của Hợp đồng dịch vụ số 2779/HĐ-DKVN giữa PVN và PV GAS
28.	107/NQ-KVN	29/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán khí và condensate mỏ Thiên Ưng và mỏ Đại Hùng giữa PVN và PV GAS

(Chi tiết như nêu tại công văn số 164/KVN-HĐQT ngày 26/01/2021 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2020).

V. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2020.

Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản lý tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của PV GAS.

VI. Báo cáo về các giao dịch giữa PV GAS với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa PV GAS với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1.	04/NQ-KVN	14/01/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
2.	15/NQ-KVN	17/02/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung cho nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
3.	21/NQ-KVN	21/02/2020	Phê duyệt công thức giá bán Condensate Thái Bình năm 2020
4.	22/NQ-KVN	27/02/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung Số 15 GSA NT1 điều chỉnh sản lượng khí cấp năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
5.	26/NQ-KVN	12/3/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 76/NQ-KVN ngày 15/5/2018 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng bán và hoán đổi khí thiên nhiên thuộc vỉa khí - condensate khu vực Đông Bắc Rồng giữa PVN và PV GAS
6.	32/NQ-KVN	31/3/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
7.	34/NQ-KVN	03/4/2020	Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán khí năm 2020 giữa PV GAS với PVFCCo
8.	60/NQ-KVN	08/5/2020	Chấp thuận GSA Sao Vàng - Đại Nguyệt giữa PVN và

			PV GAS
9.	63/NQ-KVN	29/5/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí Bể Cừu Long giữa PVN và PV GAS
10.	70/NQ-KVN	01/7/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận thanh toán tiền mua bán khí năm 2019 giữa PV GAS và PVFCCo
11.	71/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 04 HĐ dịch vụ thu gom, tiếp nhận, nén khí bể Cừu Long giữa PV GAS với PVN và VSP
12.	72/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua dự thảo sửa đổi, Bổ sung số 01 hợp đồng dịch vụ thuê công suất nén Ròng Đồi Môi và Ròng Mỏ Rộng
13.	73/NQ-KVN	31/7/2020	Thông qua nội dung chính Thỏa thuận hợp tác giữa PV GAS và PVChem
14.	81/NQ-KVN	26/8/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa Đổi, Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
15.	82/NQ-KVN	27/8/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 16 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí các tháng còn lại năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
16.	87/NQ-KVN	28/9/2020	Chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của PV GAS tại Gas South
17.	92/NQ-KVN	05/11/2020	Chấp thuận chủ trương tham gia và các nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện
18.	93/NQ-KVN	09/11/2020	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 06 Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thấp áp Vòm Bắc giữa PV GAS và Vietsovetro
19.	94/NQ-KVN	10/11/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 17 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí năm 2021 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
20.	96/NQ-KVN	07/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 02 của Hợp đồng dịch vụ số 2779/HĐ-DKVN giữa PVN và PV GAS
21.	107/NQ-KVN	29/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán khí và condensate mỏ Thiên Ứng và mỏ Đại Hùng giữa PVN và PV GAS

(Chi tiết như nêu tại công văn số 164/KVN-HĐQT ngày 26/01/2021 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2020).

VII. Phương hướng hoạt động trong năm 2021 của Hội đồng quản trị

Năm 2021 vẫn có thể là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với PV GAS khi bên cạnh những ảnh hưởng của kinh tế, chính trị thế giới, thì nội tại PV GAS phải đối diện và giải quyết các vấn đề về tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu sụt giảm; về chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành công trình khí; về suy giảm nguồn khí trong nước giá thấp trong khi nguồn khí mới bổ sung chưa được kịp thời hoặc sản lượng nhỏ, không còn thuận lợi về giá và chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây,... Vì vậy, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, HĐQT đã xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS của Ban Tổng giám đốc.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để cùng Ban Tổng giám đốc kịp thời xử lý công việc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT và các cấp có thẩm quyền.
- Chỉ đạo:
 - + Triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; và Quy hoạch ngành công nghiệp khí Việt Nam làm cơ sở để PV GAS phát triển bền vững.
 - + Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí hiện có.
 - + Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; tiêu thụ, cung cấp khí và các sản phẩm khí tối đa cho khách hàng; sản xuất và đẩy mạnh công tác phát triển bán lẻ LPG, gia tăng thị phần, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.
 - + Tập trung kiểm soát tiến độ, thu xếp, bố trí đủ vốn theo tiến độ giải ngân của dự án, đảm bảo đưa các dự án/chuỗi dự án vào vận hành đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư. Thực hiện quyết toán các dự án đã hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.
 - + Quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán vận chuyên khí. Hoàn thành trình các cấp có thẩm quyền, khách hàng về giá khí, cước phí cho nguồn hiện hữu cũng như các mỏ mới. Nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong, ngoài nước; tham gia đầu tư thượng nguồn khi có điều kiện và đảm bảo hiệu quả.
 - + Triển khai phương án cấp sớm LNG ngay khi được phê duyệt và chuẩn bị thị trường tiêu thụ LNG; hoàn thiện xây dựng Đề án tổng thể phát triển hạ tầng nhập khẩu - phân phối - kinh doanh LNG và đẩy nhanh nghiên cứu các phương án: (i) Thu gom, vận chuyển khí mỏ Tuna đường ống về Việt Nam; (ii) Nghiên cứu phương án nâng công suất đường ống dẫn khí Phú Mỹ-Nhon Trạch/Hồ Chí Minh; (iii) Nghiên cứu lựa chọn địa điểm xây dựng kho LPG/LNG tại miền Bắc; (iv) Nghiên cứu triển khai phương án cấp LNG tại khu vực Tây Nam Bộ;...
 - + Tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng, chống và ứng phó với tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu sụt giảm. Tăng cường thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí tối thiểu từ 5-10% cho từng khoản chi phí cụ thể, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - + Thực hiện công tác tái cấu trúc; rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
 - + Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, cấp có thẩm quyền và tình hình

thực tiễn tại PV GAS. Nâng cao công tác quản trị; rà soát và từng bước số hóa, đơn giản hóa hệ thống quản lý.

- + Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của PV GAS; tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, công tác kiểm tra, quản lý thu hồi công nợ, xây dựng phương án xử lý dứt điểm với công nợ tồn đọng, khoản bảo lãnh/đảm bảo của PV GAS cho các đơn vị thành viên.

Mục tiêu phấn đấu năm 2021 là: vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư; cung cấp 9,5 tỷ m³ khí cho các hộ tiêu thụ, tổng doanh thu toàn PV GAS đạt 70 nghìn tỷ đồng, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động trong năm 2020 của Ban kiểm soát:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ PV GAS và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, năm 2020 BKS đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV GAS như sau:

a. Công tác kiểm tra, giám sát

- BKS thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2020 đối với Tổng công ty và các đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS), phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục.

Sau mỗi đợt kiểm tra, BKS thông báo cho HĐQT/Tổng giám đốc PV GAS và kiến nghị HĐQT/Tổng giám đốc ban hành các chỉ thị khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong các hoạt động như công tác quản lý tài chính, kế toán, thương mại đầu thầu và đầu tư xây dựng đối với từng đơn vị;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động đầu tư, mua sắm, công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc;
- Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV GAS; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, thiếu sót để báo cáo cho cổ đông lớn (PVN) theo quy chế của PVN ban hành.

b. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV GAS tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;

- Báo cáo tài chính năm 2020 của PV GAS đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán theo qui định tại Điều lệ PV GAS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2020 của PV GAS là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn;
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng qui định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV GAS;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng qui định;
- Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN;

c. Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát :

Trong năm Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp : phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát, cụ thể:

- Lần 1: ngày 08/04/2020, nội dung :
 - ✓ Thảo luận và thống nhất thông qua nội dung báo cáo quý 1/2020 theo quy chế vốn của PVN và báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ.
- Lần 2: ngày 05/05/2020, nội dung :
 - ✓ Căn cứ kết quả họp ĐHĐCĐ sáng ngày 05/05/2020, ĐHĐCĐ đã bầu bà Trần Thị Hoàng Anh tham gia Ban kiểm soát. Thực hiện quy định tại Điều lệ PV GAS và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên đã thảo luận và thống nhất bầu bà Trần Thị Hoàng Anh giữ chức Trưởng Ban kiểm soát với tỷ lệ bầu 3/3 đồng ý (trùng ứng tỷ lệ 100%).
- Lần 3: ngày 06/07/2020, nội dung :
 - ✓ Rà soát tình hình thực hiện kế hoạch công tác của BKS .
 Kết quả: BKS đã thực hiện các nội dung/công việc theo kế hoạch, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch covid-19 nên việc kiểm tra giám sát trực tiếp tại một số đơn vị chưa thực hiện được theo kế hoạch hoặc phải chuyển sang hình thức giám sát.

- ✓ Rà soát tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS qua các đợt kiểm tra đơn vị.

Kết quả: Các kiến nghị của BKS được Ban điều hành PV GAS đưa vào chỉ thị đến các đơn vị sau từng đợt kiểm tra, hầu hết các kiến nghị đã được đơn vị thực hiện và báo cáo Tổng công ty.

- Lần 4: ngày 25/10/2020, nội dung :

- ✓ Thảo luận báo cáo tình hình hoạt động của BKS trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2021.

- Lần 5: ngày 24/11/2020, nội dung:

- ✓ Thảo luận và bình xét các hình thức, danh hiệu thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân BKS theo hướng dẫn 2210/KVN-TCNS ngày 06/11/2020.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo qui chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của lãnh đạo Tổng công ty với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên, HĐQT, họp giao ban của Ban TGD.

2. Hoạt động của thành viên Ban kiểm soát:

Trên cơ sở các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Qui chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của thành viên BKS.

- Các thành viên trong BKS có trách nhiệm giải quyết, đề xuất xử lý các vấn đề theo phạm vi công việc được phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Trưởng Ban kiểm soát về ý kiến, tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ số liệu của mình;
- Phải chấp hành tuyệt đối tính bảo mật theo quy định trong công việc nhiệm vụ được phân công hay các công việc khác khi cần phối hợp trao đổi thông tin trong các ban, đơn vị trong Tổng công ty;
- Các báo cáo, ý kiến và kiến nghị của BKS phải được trao đổi lấy ý kiến tập thể trong BKS trên cơ sở bàn bạc và thống nhất theo đa số;
- Công việc thực tế được phân công có thể được điều chỉnh bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế đối với từng thành viên trong BKS;

Ban kiểm soát Tổng công ty đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Bà Trần Thị Hoàng Anh - Trưởng Ban kiểm soát:

- Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức hoạt động chung của BKS;
- Chủ trì xây dựng, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động BKS;

- Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện khi được HĐQT PVN chấp thuận;
- Lập báo cáo kiểm tra, giám sát quý, năm theo quy định về chế độ báo cáo;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Có ý kiến về các vấn đề mà Ban kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm...;
- Tham gia các đoàn kiểm tra giám sát tại các đơn vị khi cần thiết;
- Chủ trì thẩm định báo cáo tài chính quý, năm theo quy định;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định khi Đại hội đồng cổ đông và cổ đông lớn (PVN) yêu cầu;

Nhận xét: Bà Trần Thị Hoàng Anh đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật Doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ PV GAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.

b. Ông Nguyễn Công Minh – Kiểm soát viên:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT;
- Phối hợp với Trưởng ban làm việc với HĐQT, Ban TGD và PVN về các lĩnh vực được phân công. Đề xuất với Ban kiểm soát để Ban kiểm soát có ý kiến với HĐQT/Ban TGD về các vấn đề mà Ban kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm...;
- Thực hiện quản lý kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty và công ty trực thuộc;
- Thực hiện các công việc khác khi được phân công và uỷ quyền;

Nhận xét: Ông Nguyễn Công Minh đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật Doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ PV GAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.

c. Bà Hồ Thị Ái Thanh - Kiểm soát viên:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT;
- Phối hợp với Trưởng ban làm việc với HĐQT, Ban TGD và PVN về các lĩnh vực được phân công. Đề xuất với Ban kiểm soát để Ban kiểm soát có ý kiến với HĐQT/Ban TGD về các vấn đề mà Ban kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm...;

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm theo quy định;
- Thực hiện quản lý kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty và công ty trực thuộc;
- Thực hiện các công việc khác khi được phân công và uỷ quyền;

Nhận xét: Bà Hồ Thị Ái Thanh đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật Doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ PV GAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.

II. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2020:

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 59/NQ-KVN ngày 5/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; trong đó có 01 nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền nhưng chưa thực hiện: HĐQT không điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2020 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng. Lý do: không phát sinh điều kiện cần phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- HĐQT đã ban hành 108 Nghị quyết, 58 Quyết định và các văn bản liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS;
- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm của Đại hội đồng cổ đông giao cho;
- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của PV GAS, cải tiến công tác quản trị, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục;
- HĐQT đã tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trên thị trường trong nước và quốc tế.

b. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020;

- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác xử lý vật tư hỏng, không còn giá trị sử dụng, vật tư chậm luân chuyển còn chậm;
- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt;
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của các ban, văn phòng cơ quan điều hành Tổng công ty, tiếp tục triển khai tái cấu trúc các đơn vị;
- Ban Tổng giám đốc đã làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;
- Công tác tuyển dụng tại PV GAS thực hiện đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;
- Tiền lương và chế độ chính sách: PV GAS thực hiện nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành.

III. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2020:

Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu, BKS tham gia chương trình giám sát của HĐQT đối với tất cả các đơn vị trực thuộc/thành viên trong TCT. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với các cổ đông:

BKS đã phối hợp với cổ đông lớn (PVN) trong hoạt động kiểm tra, giám sát PV GAS đồng thời BKS đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo

yêu cầu của PVN. Trong năm 2020 không có yêu cầu của các cổ đông khác đối với BKS.

V. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020:

- Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ năm 2020 thanh toán cổ tức còn lại của 2019 là 35% vốn điều lệ;
- Tổng công ty đã lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo kiểm toán đúng tiến độ, kịp thời cung cấp thông tin cho cổ đông. Báo cáo kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty năm 2020;
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện đúng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.

VI. Việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2020 đã được Tổng công ty thực hiện nghiêm túc, Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 8.069 tỷ đồng, vượt 24% kế hoạch nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 đề ra.

VII. Phương hướng hoạt động trong năm 2021 của Ban kiểm soát

Để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS, BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2021 như sau:

- Cập nhật Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cho phù hợp với các qui định mới ban hành và trình ĐHCĐ thông qua;
- Tiếp tục tổ chức bộ máy BKS làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của BKS;
- Cử các thành viên trong BKS tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.
- Thực hiện các hoạt động thường xuyên như:
 - ✓ Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ PV GAS, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT PV GAS;
 - ✓ Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS;
 - ✓ Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của PV GAS, đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các văn bản nội bộ của đơn vị phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ PV GAS và thực tiễn hoạt động tại đơn vị;
 - ✓ Thực hiện giám sát tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước;

- ✓ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của PV GAS và các đơn vị trong PV GAS;
- ✓ Kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí (thực hiện cuối năm);
- ✓ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- ✓ Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và Người đại diện của đơn vị tại doanh nghiệp khác;
- ✓ Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm của PV GAS;
- ✓ Lập và gửi báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho cổ đông lớn (PVN) đúng thời hạn;
- ✓ Phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên BKS tại các đơn vị, với Ban kiểm soát nội bộ TCT để cùng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;
- ✓ Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm toán, kiểm soát tại PVN để có được sự thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

VIII. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát:

Chi tiết thù lao của BKS được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2020.

Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của BKS tuân thủ Quy chế hoạt động của BKS, Quy chế Quản lý tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của PV GAS.

IX. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa PV GAS với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết về các giao dịch giữa PV GAS với người có liên quan. Việc ban hành Nghị quyết tuân thủ theo phân cấp thẩm quyền được quy định tại Điều lệ và uỷ quyền của ĐHCĐ tại nghị quyết số 59/NQ-KVN ngày 05/05/2020.

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021



Handwritten signatures and initials at the bottom right corner.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.	36
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	38
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	38
Điều 36. Thư ký Tổng công ty	39
IX. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	39
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát	40
Điều 39 Trưởng Ban kiểm soát	40
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	41
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	42
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng	43
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	43
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	45
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	45
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	46
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn	46
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 48. Phân phối lợi nhuận	46
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	47
Điều 50. Năm tài chính	47
Điều 51. Chế độ kế toán	47
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	47
Điều 53. Báo cáo thường niên	48
Điều 54. Công bố thông tin	48
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	48
Điều 55. Kiểm toán	48
XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	49
Điều 56. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con, Công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết	49

XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY	49
Điều 57. Dấu của Tổng công ty	49
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	50
Điều 58 Giải thể Tổng công ty	50
Điều 59. Thanh lý	50
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	51
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 62. Ngày hiệu lực	51
Điều 63. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2021. Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
 - b. “PVN” là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - c. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
 - d. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - e. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - f. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - g. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - h. “Người quản lý Tổng công ty” hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - i. “Người điều hành Tổng công ty” hoặc “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - j. “Ban Tổng giám đốc” bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.
 - k. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
 - l. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
 - m. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - n. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty.
 - o. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có)

được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.

- p. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - q. "Ngày" là ngày theo lịch, bao gồm thời hạn được tính theo lịch chính thức do Nhà nước Việt Nam phát hành (dương lịch), bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
 - r. "Ngày làm việc" là "ngày" không bao gồm những ngày nghỉ.
 - s. "Đa số" là trên 50%.
 - t. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. **Tên hợp pháp của Tổng công ty bằng tiếng Việt:**
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION
Tên giao dịch: PETROVIETNAM GAS
Tên viết tắt: PV GAS
2. **Hình thức**
 - a. Tổng Công ty được thành lập bằng hình thức chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
 - b. Tổng công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam; có con dấu riêng, độc lập về tài sản, tự chủ về tài chính, được mở tài khoản trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật; có Điều lệ Tổng công ty.
3. **Trụ sở đăng ký của Tổng công ty**

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà PV GAS TOWER, số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 37816777

Fax : (028) 37815666 - 37815777

E-mail : pvgas@pvgas.com.vn

Website : www.pvgas.com.vn

4. Các chi nhánh và đơn vị trực thuộc

Tổng công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác tại lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

5. **Thời hạn hoạt động:** là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Điều lệ này.
6. Tổng công ty sẽ tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. **Logo của Tổng công ty**



Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có một người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:
 - Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;

- Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate vv; nạp LPG vào chai, xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi.v.v.;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn Tổng công ty từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;
- Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của PVN;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;
- Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;
- Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;
- Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;
- Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;
- Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của Tổng công ty; bán các công ty con khi cần thiết;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí;
- Các ngành nghề khác mà Pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực trong việc phát triển sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Phát triển Tổng công ty vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hiện đại, phạm vi hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu; hoạt động đa ngành; đóng vai trò chủ đạo trong công nghiệp khí trên toàn quốc và phát triển ra thị trường quốc tế.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổng công ty tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác có quan hệ gắn bó, lâu dài với Tổng công ty về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường của Tổng công ty cũng như các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 19.139.500.000.000 đồng (Mười chín ngàn, một trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 1.913.950.000 (Một tỷ chín trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Tổng công ty cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;


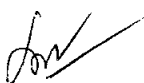


3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả các nghĩa vụ nợ với Nhà nước, thuế, phí) theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
 - d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - g. Các quyền khác của cổ đông được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông


Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
6. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.



2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo bán niên hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị

triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
 - f. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - c. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - f. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;



- g. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - i. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - j. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - k. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - l. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - n. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - o. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm i, j, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo Điều 132 của Luật Doanh nghiệp, hoặc theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác

dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp

hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình họp, nội dung họp;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ;
 - d. Dự thảo nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi

hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

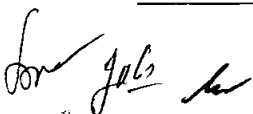
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực các nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, đại chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất **5%** cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết kể cả cổ đông bỏ phiếu từ xa (nếu có).
2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết kể cả cổ đông bỏ phiếu từ xa (nếu có).
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại



- hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự không bị ảnh hưởng.
 4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
10. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa đại hội khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở

địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp.

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp ở Địa điểm chính của cuộc họp.
14. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần.

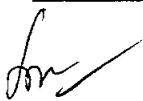
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2 Điều này, Khoản 8 Điều 21 Điều lệ và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - b. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
2. Nghị quyết liên quan đến việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thông qua theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Khoản 8 Điều 21 Điều lệ và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng



quản trị phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và

phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ,

tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết/quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

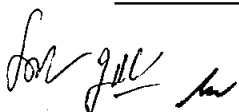
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 85% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, thường trú tại Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị Doanh nghiệp;
 - c. Có hiểu biết luật pháp;
 - d. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty;
 - e. Có sức khoẻ, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 - f. Không được là người có quan hệ gia đình (bao gồm nhưng không giới hạn ở các tư cách như vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
4. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 05 (năm) thành viên và tối đa là 07 (bảy) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được tính từ ngày việc bầu có hiệu lực. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty

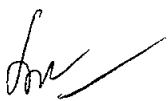


hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.


Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;



- b. Kiến nghị các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần chào bán theo từng loại;
- c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Tổng công ty;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý của Tổng công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty
- i. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
- j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
- m. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
- n. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;
- o. Thành lập các công ty con của Tổng công ty; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn, đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu để bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ cấp Chủ tịch và Thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc của các công ty con;

- p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, các hợp đồng giao dịch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
 - r. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
 - s. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - t. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - u. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - v. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - w. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
 - x. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
 - y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên còn lại hoặc bị giảm như quy định trên.



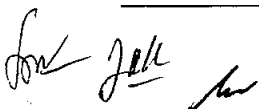
- b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
6. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 164 và 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành trong bộ máy điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

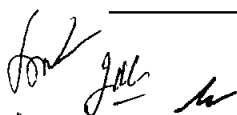


- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
3. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm

- (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Ban kiểm soát.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.
 7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 8. Biểu quyết.



- a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 - c. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

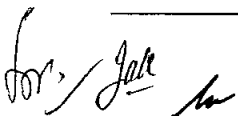
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 14 Điều này.
14. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
15. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
16. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
17. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị của Tổng công ty một cách hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thu



- ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá năm năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
 3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo quy định;
 - c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị việc công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và điều lệ Tổng công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 4. Hội đồng quản trị có thể bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định hiện hành về Luật lao động. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về chứng khoán.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Loe

h *JUC*

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người giữ chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành công việc và nhiệm vụ được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

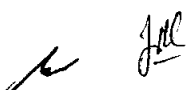
Điều 39 Trưởng Ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Son
guc
hu

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
 - j. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - k. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;
 - l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;



- n. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;
 - o. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - p. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát phải xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.



3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

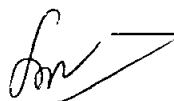
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và

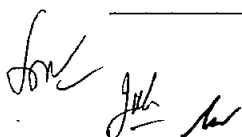


những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

6. Tổng công ty được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho công ty con của Tổng công ty. Việc thông qua các giao dịch này được thực hiện như sau:
 - a. Đại Hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đối với các giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - b. Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua các giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
8. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.



2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang là một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật

lon

h *JM*

tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

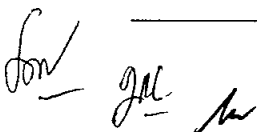
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các



- chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông, Tổng



công ty phải gửi báo cáo tài chính năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

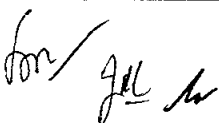
Điều 54. Công bố thông tin

1. Tổng công ty phải công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.
2. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.
4. Và các quy định khác theo quy định về công bố thông tin.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập và ủy quyền lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi



- báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT


Điều 56. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con, Công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết

1. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty con, công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, điều lệ của các công ty đó và các quy định khác có liên quan. Quan hệ của Tổng công ty với công ty con, công ty liên kết được thực hiện thông qua các thoả thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các thoả thuận khác.
2. Công ty con, công ty liên kết tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa Công ty đó với Tổng công ty.

XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Dấu của Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung dấu của Tổng công ty. Nội dung dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thoả thuận về việc sử dụng dấu.



XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 58 Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí giải thể doanh nghiệp;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hoặc tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định

tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác .

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 63 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.



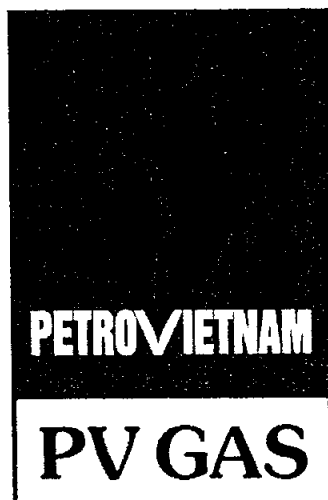
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc của Tổng giám đốc, hoặc của người được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ủy quyền, hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 63. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.



Dương Mạnh Sơn

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	5
Điều 3. Nguyên tắc quản trị của Tổng công ty.....	6
CHƯƠNG II.....	6
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 4. Chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ.....	6
Điều 5. Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.....	8
Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.....	14
Điều 7. ĐHĐCĐ bất thường.....	14
Điều 8. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	16
Điều 9. Báo cáo của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ.....	16
CHƯƠNG III.....	17
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 10. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.....	17
Điều 11. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT.....	17
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.....	18
Điều 13. Ứng cử, đề cử, cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	18
Điều 14. Tư cách thành viên HĐQT.....	19
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	20
Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT.....	20
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	20
Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.....	21
Điều 19. Cuộc họp HĐQT.....	21
Điều 20. Thông báo họp HĐQT.....	21
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.....	21
Điều 22. Cách thức biểu quyết.....	21
Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	21
Điều 24. Lập biên bản họp HĐQT.....	22
Điều 25. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT.....	22
Điều 26. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	22
Điều 27. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	22
Điều 28. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	22
Điều 29. Thư ký Tổng công ty.....	23

CHƯƠNG IV	24
KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của KSV.....	24
Điều 31. Nhiệm kỳ, thành phần và yêu cầu đối với KSV	24
Điều 32. Tư cách KSV.....	24
Điều 33. Ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV.....	24
Điều 34. Cách thức bầu KSV	25
Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV	25
Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.....	25
Điều 37. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV.....	25
CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 39. Các tiêu chuẩn của Người điều hành Tổng công ty.....	26
Điều 40. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty	27
Điều 41. Ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc và Người điều hành khác...	28
Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Tổng công ty	28
Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Tổng công ty.....	28
CHƯƠNG VI.....	28
PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	28
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	28
Điều 44. Nguyên tắc phối hợp, làm việc	28
Điều 45. Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS	29
Điều 46. Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc.....	30
Điều 47. Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Tổng giám đốc	31
Điều 48. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc	31
CHƯƠNG VII.....	33
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	33
Điều 49. Đánh giá hoạt động	33
Điều 50. Khen thưởng	33
Điều 51. Kỷ luật.....	33
CHƯƠNG VIII	34
CÔNG BỐ THÔNG TIN – MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN	34
Điều 52. Nguyên tắc về công bố thông tin	34
Điều 53. Thông tin bí mật.....	34

Điều 54. Thông tin nội bộ và giao dịch nội bộ	34
Điều 55. Tổ chức công bố thông tin, quản lý thông tin và tính minh bạch	35
Điều 56. Các nội dung công bố thông tin	36
Điều 57. Công bố thông tin về các cổ đông lớn	38
Điều 58. Bảo mật thông tin.....	38
CHƯƠNG IX.....	38
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	38
Điều 59. Tổ chức thực hiện	38
Điều 60. Hiệu lực thi hành.....	39

hr

hr

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty (“**Quy Chế**”) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần niêm yết theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Tổng công ty, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
2. Để thực thi một chính sách rõ ràng về Quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tổng công ty, Quy Chế này quy định các nội dung về (i) vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; (ii) trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; (iii) đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; và (iv) các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. Quy Chế cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Tổng công ty.
3. Quy Chế được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của những người này của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những chữ viết tắt/từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty”: là Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần.
 - b. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
 - c. “HĐQT”: là Hội đồng quản trị Tổng công ty.
 - d. “BKS”: là Ban kiểm soát Tổng công ty.
 - e. “KSV”: là Kiểm soát viên của Tổng công ty.
 - f. “Quản trị Tổng công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty.
 - g. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
 - h. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
 - i. “Cổ đông lớn”: là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - j. “Người quản lý Tổng công ty hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
 - k. “Người điều hành Tổng công ty” hoặc “Người điều hành”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quyết định của HĐQT;
 - l. “Ban Tổng giám đốc” bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.



- m. “Thành viên HĐQT không điều hành”: là Thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
 - n. “Thành viên độc lập HĐQT” hoặc “thành viên HĐQT độc lập” hoặc “thành viên độc lập”: là thành viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
 - o. “Người phụ trách quản trị Tổng công ty”: là Người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020.
 - p. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - q. “Đa số” là trên 50%.
2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều Khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị của Tổng công ty

Nguyên tắc Quản trị của Tổng công ty bao gồm:

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
- HĐQT định hướng và giám sát; BKS kiểm soát Tổng công ty hiệu quả.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Trình tự, thủ tục tổ chức và triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty. Tổng công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ của Tổng công ty. HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm họp thích hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 của Điều lệ Tổng công ty.
3. Các bước chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty, cụ thể các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:

a. *Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ*

Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty niêm yết.

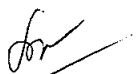
b. *Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ*

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

c. *Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ*

- Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.
- Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải bao gồm các thông tin sau:
 - + Họ và tên cổ đông với cổ đông là cá nhân/tên của cổ đông là tổ chức;
 - + Địa chỉ thường trú đối với cổ đông là cá nhân/Địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;



- + Quốc tịch;
 - + Số Thẻ căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức;
 - + Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
 - + Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;
 - + Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - + Lý do đưa ra kiến nghị;
 - + Chữ ký của cổ đông, nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.
- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật.
 - HĐQT sẽ thông báo cho cổ đông các quyết định từ chối kiến nghị của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ cùng lý do từ chối kiến nghị này. HĐQT cũng có thể gửi văn bản từ chối kiến nghị cùng lý do từ chối.
 - Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa các kiến nghị hợp lệ (không bị từ chối) vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- d. Các vấn đề sẽ được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm:*
- + Thông qua mức cổ tức của từng loại cổ phần;
 - + Thông qua báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty;
 - + Thông qua Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của BKS;
 - + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- e. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ*
- HQĐT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty.
- f. Ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ*
- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 15 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ

Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ thường niên được quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, các bước tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ cụ thể được quy định bổ sung như sau:

1. Đăng ký dự họp ĐHĐCĐ

Việc đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Thư ký Tổng công ty hoặc một bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ.
- Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.
- Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền của mỗi người đại diện.
- Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến HĐQT chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.
- Việc kiểm tra tư cách đại biểu được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Điều kiện tiến hành; Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu

Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

Thư ký Tổng công ty hoặc một bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự cuộc họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

- Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 4 Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu người có thể làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ cử một hoặc một số thư ký để làm thư ký cuộc họp.



4. Bầu Ban kiểm phiếu

- Chủ tọa sẽ yêu cầu ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định.
- Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm:
 - + Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận Pháp lý của Tổng công ty.
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên HĐQT;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng giám đốc và ứng viên Ban Tổng giám đốc;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.
- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Tổng công ty và bằng bản in tại văn phòng trụ sở chính của Tổng công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu.
- Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền:
 - + Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử.
 - + Báo cáo cho Chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có.
- Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền quyết định về số lượng cụ thể hoặc bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

5. Khách mời tham dự cuộc họp

- Kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến về các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại

diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

- Ngoài ra, HĐQT Tổng công ty có thể mời chủ nợ, các nhà đầu tư tiềm năng, cán bộ công nhân viên, các quan chức chính phủ, nhà báo, các chuyên gia và các cá nhân và tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Tổng công ty tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ bằng quyết định về khách mời của HĐQT khi triệu tập ĐHĐCĐ.

6. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp

- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp tới các cổ đông. Đồng thời, Chủ tọa sẽ giải thích trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Nội dung chương trình họp phải xác định chi tiết và thời gian thảo luận cho từng vấn đề. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.
- Đối với trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ thì quyết định của Chủ tọa mang tính phán quyết cao nhất theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự

Việc thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Tạo cơ hội cho cổ đông (i) đặt câu hỏi với thành viên HĐQT, KSV, Kiểm toán độc lập và nhận được các câu trả lời rõ ràng (ii) có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin đầy đủ và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.
- Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó không được trả lời ngay, Tổng công ty cần có văn bản trả lời ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Kiểm toán viên độc lập, thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và các Tiểu ban của HĐQT (nếu có) cùng với thành viên Ban điều hành Tổng công ty cần phải có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tọa của ĐHĐCĐ cần giải thích nguyên nhân vắng mặt của họ.
- Những Người quản lý Tổng công ty, bao gồm cả Trưởng các Tiểu ban trực thuộc HĐQT cần được phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ, khi có yêu cầu.
- Chủ tọa ĐHĐCĐ chỉ được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ

đồng đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

9. Cách thức kiểm phiếu và ghi lại kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - + Các vấn đề đã được thông qua;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

12. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa họp ĐHĐCĐ tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi: (i) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết và (ii) Kết quả biểu quyết đã được công bố.

13. Lưu phiếu biểu quyết

Sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các thẻ biểu quyết và các văn bản hướng dẫn biểu quyết đều được đóng dấu và bỏ vào hòm phiếu. Toàn bộ tài liệu sẽ được Thư ký Tổng công ty lưu theo chế độ bảo mật theo Quy định về lưu trữ của Tổng công ty.

14. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - + Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin

theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. ĐHĐCĐ bất thường

Trình tự, điều kiện và trách nhiệm triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được quy định tại Điều 13 của Điều lệ. Ngoài ra, các quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ bất thường

- Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty;
- Trường hợp HĐQT hoặc BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, hoặc BKS, tùy trường hợp phát sinh, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty;
- Nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường sẽ có nội dung khác nhau liên quan tới mục đích cụ thể của việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

- HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.
- HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ

đồng trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:
 - + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;



- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 - Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
 - Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Tổng công ty.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Báo cáo của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT;
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành, Người điều hành khác;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của BKS

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, thành viên Bộ máy quản lý, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Bộ máy Ban điều hành, Tổng giám đốc và cổ đông;

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 11. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là 5 thành viên và tối đa là 7 thành viên.




2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được tính từ ngày việc bầu có hiệu lực. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên HĐQT là 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 07 thành viên.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, thường trú tại Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị doanh nghiệp.
3. Có hiểu biết Luật pháp.
4. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.
5. Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
6. Không được là người có quan hệ gia đình (bao gồm nhưng không giới hạn ở các tư cách như vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu của Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý công ty mẹ).
7. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này, thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên HĐQT, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
- f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g. Các thông tin khác (nếu có).

Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có)

2. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 70% đến dưới 85% được đề cử tối đa 06 ứng viên; và từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và không bị pháp luật và Điều lệ cấm làm thành viên HĐQT, được ĐHCĐ bầu làm thành viên HĐQT theo quy định. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.



2. Thành viên HĐQT Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên 05 công ty khác.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Khi số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên còn lại hoặc bị giảm như quy định trên.
 - b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin của Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 19. Cuộc họp HĐQT

1. HĐQT phải tổ chức họp với số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường được thực hiện theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 20. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và BKS ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và BKS được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 22. Cách thức biểu quyết

1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 phiếu biểu quyết;
2. KSV có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu

lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 24. Lập biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Thư ký Tổng công ty hoặc một thành viên HĐQT hoặc một người khác do HĐQT yêu cầu làm người ghi biên bản cuộc họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp HĐQT nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 13 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 25. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thông báo tới BKS, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Ban, Đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 26. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 27. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT phải chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa 05 năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

lu

for

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và KSV;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. HĐQT có thể bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về chứng khoán.

Điều 29. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, HĐQT bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
7. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.



CHƯƠNG IV
KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của KSV

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của KSV được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 31. Nhiệm kỳ, thành phần và yêu cầu đối với KSV

1. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu

Số lượng KSV được quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Điều lệ, cụ thể BKS gồm 03 thành viên. Các thành viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.

Nhiệm kỳ của KSV viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Tổng công ty.

3. Trưởng BKS

Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Triệu tập cuộc họp BKS;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 32. Tư cách KSV

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 33. Ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV

Việc ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Quy Chế này.

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu được đề cử 01 ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 34. Cách thức bầu KSV

1. Việc biểu quyết bầu KSV phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

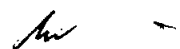
1. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty và Điều 32 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của KSV quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 37. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV.

Thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.



CHƯƠNG V
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Tổng công ty có Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Điều lệ Tổng công ty, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và trong Quy chế này.
3. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc theo nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Điều 39. Các tiêu chuẩn của Người điều hành Tổng công ty

1. *Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất năm (05) năm trong công tác quản trị doanh nghiệp và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có trình độ từ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp và hiểu biết pháp luật;
 - TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.
 - TGD không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Tổng công ty, KSV của Tổng công ty và công ty mẹ của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và công ty mẹ của Tổng công ty.
2. *Phó Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất năm (05) năm trong công tác quản trị doanh nghiệp và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có trình độ từ đại học trở lên;
3. *Kế Toán trưởng phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán
 - Trình độ đại học trở lên
 - Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm
 - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán năm 2015;

Điều 40. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty

1. **Bổ nhiệm Tổng giám đốc**

- Việc đề cử, ứng cử Tổng giám đốc do HĐQT xem xét, quyết định tại từng thời điểm.
- HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.
- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

2. **Bổ nhiệm Người điều hành khác**

- Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Tổng công ty do HĐQT quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những Người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

- Điều 41. Ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc và Người điều hành khác**
1. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động (bao gồm cả tiền lương và lợi ích khác) được quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty.
 2. Việc ký kết và chấm dứt Hợp đồng với Người điều hành Tổng công ty phải đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lao động.
- Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Tổng công ty**
Người điều hành Tổng công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định của pháp luật, và văn bản nội bộ của Tổng công ty.
- Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Tổng công ty**
Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Người điều hành Tổng công ty, và/hoặc khi có sự kiện ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Điều 44. Nguyên tắc phối hợp, làm việc**
1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tổng công ty.
 2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
 3. Nguyên tắc của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, kiểm soát tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Tổng công ty.
 4. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc được thực hiện theo các quy định tương ứng về cuộc họp của HĐQT và BKS tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
 5. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông báo, cung cấp cho BKS và Tổng giám đốc theo cách thức tương tự như đối với thành viên HĐQT.

6. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Quy Chế này và pháp luật.
7. Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các KSV và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên sẽ được thống nhất giữa HĐQT, BSK và Tổng giám đốc tại từng thời điểm.

Điều 45. Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Tổng công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Tổng công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Tổng công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Tổng công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Tổng công ty.

Công tác kiểm soát của BKS là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Tổng công ty, giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

1. Quan hệ phối hợp:

- HĐQT và BKS thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT, trong quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo BKS luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho HĐQT khi phát hiện có nội dung không phù hợp để HĐQT xem xét, điều chỉnh kịp thời;
- BKS tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Tổng công ty, kiến nghị HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát – giám sát:

- BKS thay mặt ĐHĐCĐ giám sát HĐQT trong quản lý và điều hành Tổng công ty. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông;
- BKS có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của HĐQT theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ; thẩm tra hiệu quả quản lý của HĐQT;
- BKS có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;

- BKS có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của HĐQT;
- Khi phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCĐ.

Điều 46. Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, cụ thể bao gồm:

1. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, HĐQT thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Tổng giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược được HĐQT thông qua;
2. HĐQT cùng với Tổng giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Tổng công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra;
3. Tổng giám đốc phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất của Tổng công ty để trình ĐHĐCĐ. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để HĐQT điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;
4. Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc như được quy định tại Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT biết;
5. Hàng tháng, quý, 06 tháng, 09 tháng và hàng năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho HĐQT, kiến nghị những vấn đề cần được HĐQT giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;
6. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho HĐQT để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời;
7. Tổng giám đốc được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của HĐQT phù hợp với tình hình thực tiễn của Tổng công ty;

8. HĐQT thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 47. Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Tổng giám đốc

Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

1. *Quan hệ phối hợp:*

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa BKS và Tổng giám đốc. Tổng giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, BKS chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành.

2. *Quan hệ kiểm soát và giám sát:*

- BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
- BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Tổng giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc và giữa Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý;
- BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Tổng giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Tổng công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông;
- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ;
- Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, BKS thông báo bằng văn bản cho Tổng giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc

1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục



đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, KSV về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận
6. Tổng công ty được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho công ty con của Tổng công ty. Việc thông qua các giao dịch này được thực hiện như sau:
 - a. ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua đối với các giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - b. HĐQT Tổng công ty thông qua các giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

8. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 49. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp.
2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, BKS đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng KSV.
3. Việc thực hiện đánh giá cán bộ hàng năm thực hiện theo quy định Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty.

Điều 50. Khen thưởng

1. Hàng năm, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho niên độ tài chính kèm theo quỹ thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý thuộc diện quản lý của HĐQT. Căn cứ mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và chủ trương khen thưởng đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT sẽ quyết định mức thưởng cụ thể cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý;
2. Các đối tượng khác còn lại sẽ được Hội đồng thi đua khen thưởng Tổng công ty xét thưởng thành tích hàng năm theo các hình thức biểu dương kèm theo giá trị mức thưởng mới phù hợp với Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty và được chi bằng nguồn Quỹ Khen thưởng Tổng công ty. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

Điều 51. Kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;
2. Hình thức kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN – MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 52. Nguyên tắc về công bố thông tin

1. Định nghĩa: “Việc công bố thông tin được định nghĩa như là một cách thức để đảm bảo rằng tất cả các bên quan tâm đều có thể tiếp cận thông tin thông qua một quy trình minh bạch để đảm bảo cho việc tìm kiếm và thu thập thông tin được dễ dàng, bất kể mục đích tiếp cận thông tin là gì”.
2. Nguyên tắc về công bố thông tin:
 - Thường xuyên, kịp thời
 - Có thể tiếp cận một cách dễ dàng, rộng rãi
 - Chính xác và đầy đủ
 - Nhất quán, phù hợp và có văn bản dẫn chứng
3. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng phù hợp với Quy định Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
4. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư, đảm bảo thông tin minh bạch.
5. Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện việc công bố thông tin. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

Điều 53. Thông tin bí mật

1. Để tránh những ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích chính đáng của Tổng công ty và các cổ đông trong việc công bố thông tin, Tổng công ty được phép bảo mật thông tin đối với thông tin bí mật thuộc phạm vi Bí mật kinh doanh theo quy định của Luật Cạnh tranh.
2. Phạm vi Bí mật kinh doanh và các Thông tin bí mật khác được quy định tại Quy chế về công bố thông tin và Chính sách bảo mật thông tin.

Điều 54. Thông tin nội bộ và giao dịch nội bộ

1. Thông tin nội bộ là những thông tin liên quan đến Tổng công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của Tổng công ty.
2. Thông tin nội bộ được lưu giữ cẩn mật bởi những người có thẩm quyền theo quy định của Chính sách bảo mật thông tin.
3. Các đối tượng có thể tiếp cận thông tin nội bộ bao gồm:

- Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc trong phạm vi các công việc có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;
 - Cổ đông lớn của Tổng công ty;
 - Người kiểm toán báo cáo tài chính, các Công ty Chứng khoán, các Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán của tổ chức đó;
 - Tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ với Tổng công ty và cá nhân làm việc trong tổ chức đó;
 - Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng quy định tại các điểm đã nêu ở trên.
4. Những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép:
- Mua bán chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận;
 - Tiết lộ thông tin nội bộ cho những cá nhân khác trừ phi việc tiết lộ đó được thực hiện trong quá trình thực thi nhiệm vụ được Tổng công ty giao phó;
 - Tư vấn hoặc xui khiến người khác mua bán chứng khoán liên quan đến những thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận.
5. Giao dịch nội bộ bất hợp pháp (giao dịch nội gián) là những giao dịch diễn ra khi những người có khả năng tiếp cận các thông tin nội bộ sử dụng những thông tin đó để thu lợi hoặc để tránh tổn thất trên thị trường chứng khoán.
6. Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Chính sách an ninh thông tin và cụ thể hóa các quy định, quy trình về tránh xung đột lợi ích của Tổng công ty để điều chỉnh các hành vi liên quan đến việc sử dụng thông tin nội bộ, giao dịch nội bộ.

Điều 55. Tổ chức công bố thông tin, quản lý thông tin và tính minh bạch

1. Tổ chức công bố thông tin

- HĐQT có trách nhiệm xác lập, thông qua và duy trì Quy chế về công bố thông tin phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan khác.
- Để đảm bảo tính chính xác và kịp thời, Tổng công ty sẽ tổ chức bộ phận chuyên trách/kiêm nhiệm việc công bố thông tin. Tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự/bộ phận này được đề cập trong Quy chế về công bố thông tin. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin của Tổng công ty thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ được giao.
- Việc công bố thông tin được thực hiện trên các phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, các ấn phẩm và các trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

2. Quản lý thông tin bí mật, thông tin nội bộ

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc xây dựng/đề xuất các tiêu thức phân loại thông tin và hệ thống quản lý thông tin nội bộ, thông tin bí mật phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Về nguyên tắc thông tin nội bộ

cần được quản lý tập trung từ trên xuống dưới. Từng bộ phận tùy theo đặc thù công việc có đánh giá mức độ nhạy cảm của các thông tin phát sinh tại bộ phận đó để có cách xử lý, bảo mật và quản lý thích hợp.

- Trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, danh mục các thông tin cần được thường xuyên bổ sung và cập nhật để quản lý và theo dõi chặt chẽ, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của việc tiết lộ thông tin nội bộ ra bên ngoài.

3. Tính minh bạch

- Tổng công ty cam kết đảm bảo sự minh bạch trong công bố thông tin theo quy định tại Quy chế về công bố thông tin.

4. Trách nhiệm bồi thường

- Cá nhân vi phạm Quy chế công bố thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn ở vi phạm công tác (i) công bố thông tin, (ii) sử dụng và hoặc tiết lộ thông tin, (iii) chuẩn bị những thông tin được công bố không đầy đủ và thiếu chính xác..., phải chịu trách nhiệm bồi thường và/hoặc bị xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm.

5. Cơ chế liên lạc thường xuyên với Cổ đông lớn

- Tổng công ty sẽ thông tin với cổ đông lớn bất cứ khi nào HĐQT thấy cần thiết, tùy nhiên trên nguyên tắc không ít hơn 2 lần/năm.

Điều 56. Các nội dung công bố thông tin

1. Công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty

- Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ ĐHCĐ hàng năm, trong Báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - + Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - + Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - + Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT;
 - + Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - + Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc;
 - + Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Tổng công ty của các thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - + Số lượng thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty
 - + Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy Chế, nguyên nhân và giải pháp.

- Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Ban Điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về:
 - + Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Giám đốc trong thời gian 3 năm trước;
 - + Các giao dịch giữa Tổng công ty và công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn;
 - + Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất và phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

2. Nội dung công bố thông tin gồm:

- Những thông tin định kỳ: các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo thường niên
- Những thông tin bất thường;
- Những thông tin theo yêu cầu của UBCKNN;
- Những thông tin liên quan đến giao dịch của các cổ đông lớn;
- Những thông tin liên quan đến giao dịch cổ phiếu quỹ;
- Những thông tin liên quan đến giao dịch cổ phiếu của các cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng;
- Những thông tin liên quan đến việc giao dịch và chào bán ra công chúng;
- Những thông tin liên quan đến việc chào bán chứng khoán ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
- Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Công bố thông tin tự nguyện

Các thông tin mà Công ty có thể tự nguyện công bố (không thuộc phạm vi yêu cầu của pháp luật) trên trang thông tin điện tử bao gồm:

- Các mục tiêu của Tổng công ty;
- Cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn, quan trọng và quyền biểu quyết;
- Thông tin về thành viên HĐQT và Ban giám đốc điều hành;
- Các yếu tố rủi ro trọng yếu có thể dự đoán trước;
- Người lao động và các bên có quyền lợi liên quan;
- Cơ cấu và chính sách Quản trị Tổng công ty.

4. Phạm vi thông tin với Cổ đông lớn

Phạm vi thông tin với Cổ đông lớn bao gồm:

- Thông tin nội bộ;
- Các ý kiến đóng góp của Cổ đông lớn về quản trị công ty

Điều 57. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Tổng công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng Cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - Địa chỉ liên lạc;
 - Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Tổng công ty;
 - Tình hình biến động về sở hữu của các Cổ đông lớn;
 - Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Tổng công ty;
 - Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Tổng công ty của các Cổ đông lớn.
2. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
3. Để bảo đảm quyền lợi của cổ đông, cổ đông phải thường xuyên và kịp thời cung cấp thông tin của cổ đông cho Tổng công ty. Trường hợp Cổ đông không cung cấp thông tin dẫn đến quyền lợi của cổ đông bị ảnh hưởng và nếu việc ảnh hưởng đó không xuất phát từ lỗi của Tổng công ty, Tổng công ty sẽ không có trách nhiệm bồi thường.

Điều 58. Bảo mật thông tin

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định và quy trình về bảo mật thông tin (như là một phần của Chính sách an ninh thông tin).
2. Phạm vi điều chỉnh sẽ bao gồm các thông tin nội bộ, thông tin bí mật và các thông tin nhạy cảm khác của Tổng công ty cần được bảo mật.
3. Các nội dung chính phải tối thiểu bao gồm: quản lý rủi ro thông tin, bộ phận phụ trách, quản lý tài sản, lưu trữ, thông tin liên lạc, kiểm soát truy cập, quản lý cam kết bảo mật đối với bên thứ ba.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 59. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này là cơ sở để Tổng công ty ban hành hệ thống quy chế nội bộ áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

2. HĐQT, BKS, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai áp dụng các quy định này vào ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT, BKS, Tổng giám đốc theo đúng trình tự được quy định tại Quy chế này. Hệ thống báo cáo của các đơn vị liên quan phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Quy chế.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập hệ thống quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc, phân cấp phân quyền giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định tại Quy chế này;

Điều 60. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương và 60 Điều, được HĐQT Tổng công ty soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua căn cứ trên nội dung Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021. Các văn bản do Tổng công ty ban hành trước đây trái với nội dung Quy chế này đều không còn hiệu lực thi hành.
2. Việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty do HĐQT Tổng công ty xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nguyễn Sinh Khang





QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Ban/Văn phòng/Trung tâm, các Đơn vị trực thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Ban Tổng giám đốc” nghĩa là Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần, bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.
2. “Đa số” là trên 50%.
3. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
4. “Điều lệ” là Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
5. “Đơn vị” là các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc của Tổng công ty.
6. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
7. “Ngày” là ngày tính theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (như thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
8. “Ngày làm việc” là “Ngày” không bao gồm những ngày nghỉ.
9. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
10. “Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác” là Người được Tổng công ty bổ nhiệm/giới thiệu để bầu/bổ nhiệm hoặc được ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là Chủ sở hữu, Thành viên, Người đại diện phần vốn, Người quản lý, Người điều hành và kiểm soát tại doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp khác.
11. “Người quản lý Tổng công ty” bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ.
12. “PVN” là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
13. “Tổng công ty” là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

14. “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
15. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này được định nghĩa theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ được phân công, đồng thời tất cả cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và trước pháp luật về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng công ty.
2. HĐQT và các thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại pháp luật, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty; giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công; đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, Nhà nước, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty.
3. HĐQT giao cho Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
4. Con dấu của Tổng công ty được sử dụng để đóng trên các văn bản do HĐQT ban hành.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty.
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của

thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là năm (05) thành viên và tối đa là bảy (07) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT được tính từ ngày việc bầu có hiệu lực.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
 - c. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Điều lệ.

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
 - đ. Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ.
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Tổng công ty phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó thì Chủ tịch HĐQT ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác của HĐQT thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

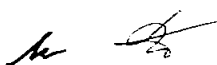
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều này trên, khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định thì HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
3. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền đôn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu



tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty.
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
 - g. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định cụ thể tại Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ.
3. HĐQT thông qua Nghị quyết/Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với Người có liên quan

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Tổng công ty khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
 - b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
- đ. Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp.
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp.
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Bộ máy giúp việc của HĐQT

1. Ban Kiểm soát nội bộ (KSNB) là ban chuyên môn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ban KSNB và các văn bản quy phạm quản lý nội bộ khác của Tổng công ty.
2. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định nhưng tối đa năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tổng công ty ký hợp đồng lao động với Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

HĐQT có thể bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định của pháp luật. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện theo quy định của Điều lệ và pháp luật về chứng khoán.

Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản quy phạm quản lý nội bộ liên quan khác của Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty và hoặc Thư ký HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản quy phạm quản lý nội bộ liên quan khác của Tổng công ty. Tổng công ty ký hợp đồng lao động với Thư ký Tổng công ty và Thư ký HĐQT.
4. Phù hợp với quy định tại Điều lệ, HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc hỗ trợ hoạt động của HĐQT về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi Quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

5. HĐQT có thể thành lập các tổ chuyên môn bao gồm một hoặc nhiều thành viên HĐQT và một hoặc nhiều người khác không phải là thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết, do một thành viên HĐQT làm Tổ trưởng để thẩm định và/hoặc tham mưu, tư vấn cho HĐQT xem xét, phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT.
6. HĐQT có thể yêu cầu các Ban/Văn phòng/Trung tâm/Đơn vị và/hoặc các cán bộ nhân viên của Tổng công ty xem xét, tư vấn HĐQT về các vấn đề có liên quan.
7. HĐQT có thể mời tư vấn để nghiên cứu, thẩm định thường xuyên hoặc theo công việc cụ thể.

Chương IV

CUỘC HỌP VÀ LẤY Ý KIẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN

Điều 16. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT.
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp họp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.
7. Chủ tịch hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT và có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời

hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết:
 - a. Thành viên HĐQT được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp HĐQT nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
 - b. Giấy ủy quyền của thành viên HĐQT phải gửi đến Chủ tịch HĐQT, chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày họp đối với cuộc họp định kỳ và ngay trước giờ khai mạc đối với cuộc họp bất thường của HĐQT. Giấy ủy quyền và Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người được ủy quyền phải được xuất trình cho chủ tọa cuộc họp.
 - c. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền.
 - d. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hành động, quyết định của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp HĐQT.
12. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

- b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 6. Những vấn đề cần lấy ý kiến các thành viên HĐQT theo yêu cầu cấp bách hoặc khi xét thấy không cần thiết họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
 7. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHCĐ báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty.
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên HĐQT phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT; cũng như giữa HĐQT với Tổng giám đốc, cổ đông, Ban kiểm soát, Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác dựa trên các quy định liên quan của pháp luật, Điều lệ, văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty và các quy định của Chương này.

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được HĐQT phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các

thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp HĐQT phân công lại nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mọi quan hệ với Tổng giám đốc/bộ máy điều hành

1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định.
2. HĐQT tạo điều kiện để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành tổ chức thực thi các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc, bộ máy điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Tổng công ty.
3. Tổng giám đốc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích các báo cáo, xin ý kiến, đề xuất của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, trình HĐQT xem xét, quyết định theo phân cấp thẩm quyền.

Điều 23. Mọi quan hệ giữa HĐQT và cổ đông

1. Các thành viên HĐQT với tư cách đại diện cổ đông chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Tổng công ty và kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT chỉ đạo việc giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với HĐQT.
3. HĐQT duy trì quan hệ chặt chẽ, thường xuyên, lâu dài với các cổ đông.

Điều 24. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. HĐQT tạo điều kiện để Ban kiểm soát nhận đầy đủ các thông tin cần thiết và thực hiện quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật; cũng như tham gia,

thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được HĐQT xem xét, quyết định hoặc thông qua.

3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Mối quan hệ giữa HĐQT và Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác


1. HĐQT:

- a. Phù hợp với thẩm quyền, quyết định hoặc thông qua, trình ĐHĐCĐ quyết định việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.
- b. Ban hành các quy định về quản lý đầu tư và vốn của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác.
- c. Phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Tổng công ty, giới thiệu, thay đổi Người đại diện của Tổng công ty đảm nhiệm các chức danh quản lý tại doanh nghiệp khác.
- d. Có các quyền và nghĩa vụ khác đối với doanh nghiệp và Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Tổng công ty.

2. Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác:

- a. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn; bảo vệ quyền và lợi ích của Tổng công ty như cổ đông, thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn/công ty hợp danh, bên liên doanh trong doanh nghiệp.
- b. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và HĐQT về hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng công ty trong doanh nghiệp.
- c. Tham gia ứng cử hoặc đề cử Người đại diện của Tổng công ty đảm nhiệm các chức danh quản lý tại doanh nghiệp theo Điều lệ của doanh nghiệp và ý kiến của Tổng công ty.
- d. Xin ý kiến của Tổng công ty trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị của doanh nghiệp theo các quy định của Tổng công ty đối với Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.
- e. Tổ chức và triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định, phân cấp/ủy quyền và văn bản liên quan khác của HĐQT. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện những vấn đề vướng mắc, báo cáo Tổng công ty để kịp thời xem xét, giải quyết.
- f. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Tổng công ty.

Chương VII



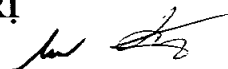
T.C.P.★
M

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021, thay thế quyết định số 971/QĐ-KVN ngày 17/6/2011 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị .
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần do Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Hội đồng quản trị có thể ban hành hướng dẫn, quy trình thực hiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Sinh Khang

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Tổng công ty áp dụng đối với Tổng công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 16/4/2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ viết tắt

Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

h *ql*

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD):	: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
Điều lệ/Điều lệ Tổng công ty	: Điều lệ của Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần.
Tổng công ty (TCT)	: Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần.
Cổ đông lớn	: Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
Hội đồng quản trị (HDQT):	: Hội đồng quản trị Tổng công ty.
Tổng giám đốc (TGD)	: Tổng giám đốc Tổng công ty.
Ban kiểm soát (BKS)	: Ban kiểm soát Tổng công ty.
Kiểm soát viên (KSV)	: Là những người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban kiểm soát.
Ban kiểm soát nội bộ (KSNB)	: Ban kiểm soát nội bộ của Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần.
Kiểm toán nội bộ (KTNB)	: Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Ban KSNB của Tổng công ty Khí Việt Nam- Công ty cổ phần.
Đơn vị trực thuộc	: Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty (Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam, Văn phòng đại diện.).
Đơn vị thành viên	: Các doanh nghiệp hạch toán độc lập, có phần vốn chi phối của Tổng công ty hoặc Tổng công ty chi phối về tổ chức, bộ máy hoạt động (các công ty TNHH, công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty là công ty con của Tổng công ty).

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

h

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là Người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Tổng công ty.

[Handwritten signatures]

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty quy định. Ngoài ra, Trưởng Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau :
 - a) Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty;
 - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - d) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về các nội dung trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - h) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
 - j) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;
 - k) Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng công ty, các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu được đề cử

một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f) Các thông tin khác: theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.
3. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo liên quan đến các chức danh lãnh đạo thuộc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
4. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
5. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

6. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
7. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
8. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
9. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty. Đưa ra các kiến nghị, đề xuất cần thiết và phù hợp.
11. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty.
12. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
13. Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc/thành viên theo kế hoạch hoạt động hàng năm được thống nhất với Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng công ty tổ chức thực hiện ở Tổng công ty và các Đơn vị thành viên, Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty. Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Tổng công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát thảo luận với Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.
14. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát. Được quyền yêu cầu lãnh đạo Đơn vị trực thuộc, người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động của đơn vị mà Ban kiểm soát thấy cần thiết và có trách nhiệm bảo mật các số liệu tài liệu,

- thông tin được cung cấp. Trong trường hợp cần thiết Trường Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý của Tổng công ty tham gia thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.
15. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
 16. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
 17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty. Tham dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết của Tổng công ty, các Đơn vị thành viên và Đơn vị trực thuộc.
 18. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao, có thể tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban kiểm soát cũng như nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông;
 19. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 40 Điều lệ Tổng công ty như quy định tại Điều 17 của quy chế này;
 20. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 22. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 23. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 25. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban kiểm soát. Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát về kế hoạch tổ chức các nội dung nói trên.

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị, các tài liệu do Tổng công ty phát hành, các tài liệu khác gửi đến Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng các thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;
- d) Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ.;

- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng

Handwritten signatures and initials.

công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

1. Quan hệ phối hợp:

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Tổng giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành.

2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:

- a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
- b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Tổng giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc và giữa Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác ;
- c) Ban kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Tổng giám đốc và người điều hành khác hoặc yêu cầu Tổng giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Tổng công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty và cổ đông;

- d) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Tổng giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;
- e) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;
- f) Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ;
- g) Các báo cáo Tổng giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban kiểm soát;
- h) Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- i) Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát. Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này;
- j) Tổng giám đốc thông báo kịp thời cho Ban kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ với hoạt động quản trị Tổng công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Tổng công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành;

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Tổng công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Tổng công ty; Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương, chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Tổng công ty, giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ phối hợp:

- a) Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;
- b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính

sách điều hành Tổng công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát – giám sát:

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Tổng công ty, chủ yếu là các nội dung sau:

- a) Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và cổ đông;
- b) Ban kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- d) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;
- e) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- f) Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất;
- g) Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị;
- h) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;
- i) Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Các mối quan hệ làm việc khác của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành của Pháp luật.

2. Quan hệ với cổ đông

- a) Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - b) Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm tra, giám sát, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát cho cổ đông lớn và phối hợp với cổ đông lớn trong các cuộc kiểm tra;
 - c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của cổ đông lớn kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và cổ đông lớn. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
3. Quan hệ với Ban kiểm soát các Đơn vị thành viên
- a) Ban kiểm soát Tổng công ty phối hợp với Ban kiểm soát các Đơn vị thành viên trong công tác chuyên môn để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trong các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất. Ban kiểm soát Tổng công ty có thể huy động Kiểm soát viên là người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên tham gia phối hợp thực hiện;
 - b) Kiểm soát viên do Tổng công ty cử tại các Đơn vị thành viên tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ gửi Ban kiểm soát Tổng công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty.
4. Quan hệ với các Ban chuyên môn/ Văn phòng của Cơ quan điều hành Tổng công ty
- a) Các Ban, Văn phòng phải phối hợp làm việc, giải trình những nội dung mà Ban kiểm soát nhận thấy cần làm rõ trong các văn bản gửi đến Hội đồng quản trị có liên quan đến lợi ích của Tổng công ty và cổ đông. Trong trường hợp có những vấn đề Ban kiểm soát có ý kiến nhưng các Ban chuyên môn vẫn bảo lưu quan điểm thì các Ban phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Pháp luật nếu những vấn đề đó ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Các Ban, Văn phòng phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
 - c) Các Ban, Văn phòng phải cung cấp các biên bản, kết quả làm việc của các đoàn kiểm tra của Tổng công ty và của cơ quan cấp trên (thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đoàn kiểm tra của Tập đoàn) cho Ban kiểm soát đồng thời với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d) Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định Pháp luật.
5. Quan hệ với Ban KSNB/KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành trong công tác kiểm tra giám sát đơn vị:
- Ban kiểm soát, Ban KSNB/KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành cùng tiến hành hoạt động kiểm tra giám sát tại các đơn vị của Tổng công ty nhưng với chức năng và vai trò, mục đích khác nhau.

Handwritten signatures

a) Quan hệ phối hợp :

- + Ban KSNB/KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành tham khảo ý kiến Ban kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị hàng năm;
- + Ban kiểm soát, Ban KSNB/KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành cùng tiến hành kiểm tra giám sát các đơn vị theo thời gian và kế hoạch được thống nhất. Trong trường hợp không thể tiến hành cùng thời gian thì Ban kiểm soát sẽ tổ chức kiểm tra, giám sát riêng.

b) Quan hệ kiểm soát và giám sát:

- + Ban kiểm soát có thể sử dụng những số liệu, báo cáo của Ban KSNB/KTNB hoặc Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành, sử dụng nhân sự của Tổng công ty để phục vụ công tác kiểm tra giám sát;
- + Ban kiểm soát có thể có ý kiến về nội dung, phạm vi và kết luận kiểm tra của Ban KSNB/KTNB, Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành nếu thấy cần thiết;
- + Báo cáo kiểm tra, giám sát của Ban KSNB/KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Cơ quan điều hành gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty phải được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.

6. Quan hệ với các Đơn vị trực thuộc, người đại diện tại các Đơn vị thành viên:

- a) Lãnh đạo các Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, người đại diện tại các Đơn vị thành viên phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định Pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần bao gồm 7 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021 và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP ban hành ngày 4 tháng 6 năm 2018.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

